

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30/3/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chi;
2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Vũ Thanh Tùng.

Ngày 30/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXX-ST ngày 12/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 23, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 52, đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2017, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện yêu nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Do hoàn cảnh gia đình ở quê, anh không đi công tác và ở nhà lao động kiếm sống, vợ anh ban đầu không có công ăn việc làm nên ở nhà phụ giúp gia đình, sau đó được gia đình

anh xin việc làm giáo viên mầm non và công tác tại thành phố B từ 2005 đến nay. Vợ chồng anh thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn ngay từ những năm đầu kết hôn và cho đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do quan điểm sống khác nhau, môi trường lao động cũng khác nhau khi vợ công tác ngoài xã hội, chồng là lao động phổ thông ở nhà. Do mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và sợ ảnh hưởng đến các con nên năm 2011 anh đã đi vào miền Nam để lao động kiếm sống, từ đó đến nay vợ chồng ly thân và không bao giờ liên lạc với nhau. Mặc dù gia đình anh nhiều lần khuyên chị H vào miền nam chung sống cùng anh để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H kiên quyết từ chối không muốn nối lại tình cảm vợ chồng. Vì hai vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng ảnh hưởng đến con cái và công việc, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống được nữa, tình cảm vợ chồng không còn và đã rạn nứt do nhiều năm sống ly thân nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng Châu N, sinh ngày 19/3/2005 và Nguyễn Trọng Bảo C, sinh ngày 13/11/2007. Hiện nay cả hai con đang ở cùng với chị H. Sau khi ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi cả hai con chung và không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại các bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn P vào ngày 27/02/2004 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang, trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh P, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc và đã có 2 con chung.

Năm 2011 anh P chuyển vào tỉnh Đồng Nai sinh sống và làm việc, từ đó vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm nhạt dần. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm do anh P muốn chị chuyển vào trong Đồng Nai sống cùng anh P nhưng chị không đồng ý. Vợ chồng chị đã ly thân được 6 năm nay. Đến nay chị và anh P đã không còn tình cảm với nhau, đời sống hôn nhân không

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh P yêu cầu ly hôn chị đồng lý ly hôn vì tình cảm không còn.

Về con chung: Vợ chồng chỉ có 02 con chung Nguyễn Trọng Châu N, sinh ngày 19/3/2005 và Nguyễn Trọng Bảo C, sinh ngày 13/11/2007. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì chị đề nghị được nuôi cả hai con chung. Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Trọng Châu N, Nguyễn Trọng Bảo C đều có nguyện vọng sống cùng mẹ và trình bày: Các cháu hiện nay đang sống với mẹ, khi bố mẹ ly hôn các cháu muốn sống với mẹ vì các cháu rất yêu mẹ, thương mẹ và không muốn rời xa mẹ, không muốn mẹ phải buồn. Cháu Nhi mong bố mẹ suy nghĩ lại việc ly hôn vì việc này ảnh hưởng đến cuộc sống, việc học tập của cháu.

+ Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành làm việc xác minh với gia đình anh P và được chị gái anh P cung cấp: Anh P kết hôn với chị H năm 2004. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống với nhau ngay tại gia đình nhà chồng ở thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm hòa thuận hạnh phúc và đã có 2 con chung. Mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ một thời gian ngắn sau khi kết hôn, ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ vụ vặt, sau đó mâu thuẫn càng ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau do quan điểm sống khác nhau. Năm 2011 anh P bỏ vào miền nam sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai đến nay chưa về, chị H và 2 con vẫn sống tại Bắc Giang. Vợ chồng ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay P có đơn yêu cầu ly hôn chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án không tiến hành hòa giải được vì chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin không hòa giải và anh P, chị H đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày: Vì yêu cầu, tính chất công việc của anh nên anh đã sinh sống và làm việc tại tỉnh Đồng Nai, việc di chuyển về Bắc Giang để tiến hành các thủ tục ly hôn rất khó khăn do đó anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân thành phố B. Tuy nhiên, do điều kiện chị bận công việc nên chị không thể

có mặt để tham gia phiên tòa được. Chị giữ nguyên lời khai đã trình bày tại Tòa án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị áp dụng Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội đề nghị xử: Anh Nguyễn Văn P được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H; về con chung: Giao con chung Nguyễn Trọng Châu N, sinh ngày 19/3/2005 và Nguyễn Trọng Bảo C, sinh ngày 13/11/2007 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng các bên không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Anh P phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn P, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh P, chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn ngày 27/02/2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã M, huyện V cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, đúng với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn ngay từ những năm đầu kết hôn và cho đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau, môi trường lao động cũng khác nhau khi vợ công tác ngoài xã hội làm giáo viên mầm non, chồng là lao động phổ thông ở nhà. Do mâu thuẫn ngày càng căng thẳng năm 2011 anh P đã đi vào miền Nam để lao động kiếm sống, từ đó đến nay vợ chồng ly thân và không bao giờ liên lạc với nhau. Mặc

dù gia đình anh P nhiều lần khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì hai vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng ảnh hưởng đến con cái và công việc, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống được nữa, tình cảm vợ chồng không còn và đã rạn nứt do nhiều năm sống ly thân nên anh P đề nghị được ly hôn chị H, chị H cũng đồng ý ly hôn anh P chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh Nguyễn Văn P được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H theo quy định tại Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Anh P và chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng Châu N, Nguyễn Trọng Bảo C. Chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con, anh P đồng ý giao cả hai cháu cho chị H nuôi dưỡng. Mặt khác, cả cháu N và cháu C đều đang ở với mẹ, đang học tập tại Bắc Giang và đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, cần giao cháu N và cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để có thể đảm bảo ổn định cuộc sống, việc học tập và cho các cháu sự phát triển tốt nhất theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6]. *Về tài sản chung*: Vợ chồng xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[7]. *Về nghĩa vụ chung về tài sản*: vợ chồng xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[8]. *Về án phí*: Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273- Bộ luật tố

tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Văn P được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trọng Châu N, sinh ngày 19/3/2005 và Nguyễn Trọng Bảo C, sinh ngày 13/11/2007 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000đ án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh P đã nộp theo biên lai số AA/2012/06570 ngày 16/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo;

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B,
- CCTHADS TP. B,
- UBND xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)**

Trần Thị Hà